



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2017

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NHIỆM KỲ IV
(2012 – 2016)

PHƯƠNG HƯỚNG – NHIỆM VỤ KINH DOANH NHIỆM KỲ V
(2017 – 2021)

☞ ☞ ☞

PHẦN I
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NHIỆM KỲ IV (2012 – 2016)

I.- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1./ Thuận lợi

- Đầu năm 2012 và năm 2013 Chính phủ đã tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế cũng như tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp thông qua các chính sách như : *giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, hạ lãi suất cho vay, giải quyết hàng tồn kho, công nợ xấu và đưa ra gói kích cầu 30.000 tỷ đồng* nhằm khôi phục ngành xây dựng, bất động sản, đã tạo môi trường thuận lợi, kích thích giúp các doanh nghiệp phát triển.
- Thị trường tiêu thụ các sản phẩm ngành hàng vật liệu xây dựng nói chung và xi măng nói riêng từ năm 2014 đến nay phát triển ổn định, có tăng trưởng. Từ đó hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục được duy trì và phát triển ổn định, tổng doanh thu, sản lượng các mặt hàng xi măng, lợi nhuận thực hiện từ năm 2014 – 2015 – 2016 tăng trưởng cao hơn so với các năm trước.
- Công ty đã chủ động liên kết, hợp tác chặt chẽ với các nhà sản xuất xi măng nhằm ổn định về giá, hỗ trợ chính sách khuyến mãi, hậu mãi để tăng thế cạnh tranh trên thị trường. Qua đó, về doanh thu, sản lượng các mặt hàng thực hiện năm 2014 đến năm 2016 có tăng hơn so với năm 2012, 2013 và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông và thu nhập cho người lao động.

2./ Khó khăn

- Từ năm 2012 đến nay nguồn cung xi măng luôn dư thừa (2015 cung vượt cầu khoảng 17 triệu tấn, 2016 cung vượt cầu gần 18 triệu tấn). Do đó giá cả các mặt hàng xi măng luôn biến động, thị trường cạnh tranh gay gắt, chính sách khuyến mãi thường xuyên thay đổi. Để cạnh tranh giành lấy thị trường hầu hết các Nhà phân phối đều dùng chiết khấu khuyến mãi để giảm giá bán làm cho lợi nhuận kinh doanh không cao, thời gian thanh toán chậm, kéo dài.
- Năm 2012, 2013 thị trường bất động sản trầm lắng, do đó sức tiêu thụ của thị trường vẫn còn chậm. Sản lượng thực hiện thấp hơn 2011.

- Lãi suất Ngân hàng cho vay giảm nhưng vẫn ở mức cao đã tác động trực tiếp vào hoạt động kinh doanh và chủ trương đầu tư của Công ty. Mặc dù vậy, Công ty vẫn đảm bảo đạt cổ tức trên 11% cho cổ đông trong năm 2012, 2013 (năm 2010 : 9,35%. 2011 : 9,43%).

II.- KẾT QUẢ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NHIỆM KỲ IV (2012 – 2016)

(xem bản phụ lục 1)

1.- Về công tác kinh doanh

- 1.1.- Tổng doanh thu thực hiện tăng trưởng khá từ 950 tỷ đồng năm 2012 lên 1.400 tỷ đồng năm 2016, bình quân tăng 06 %/ năm. (Năm 2011 thực hiện 1.058 tỷ. năm 2016 so với 2011 doanh thu tăng 32,42%).
- 1.2.- Trong 5 năm (2012 – 2016) sản lượng tiêu thụ các mặt hàng xi măng thực hiện đạt từ 604.730 Tấn năm 2012, đến năm 2016 đạt 993.580 Tấn, bình quân tăng 9,9 %/năm. Riêng 03 năm gần đây sản lượng thực hiện tăng mạnh : năm 2014 thực hiện 704.908 Tấn; năm 2015 thực hiện 843.375 Tấn và năm 2016 thực hiện 993.580 Tấn. (Năm 2011 thực hiện 630.772 Tấn. Năm 2016 so với 2011 tăng 57,5%).
- 1.3 – Tỷ suất cổ tức đạt bình quân 17,96% năm, trong đó có hai năm cuối nhiệm kỳ tăng cao, năm 2015 : đạt 24,54%, năm 2016 : đạt 28,6%. Năm 2016 thực hiện tăng hơn 03 lần so với năm 2011 (năm 2011 : đạt 9,43%).
- 1.4.- Công ty đã triển khai mở 05 bến thủy giao nhận xi măng tại Phú Định – Quận 8, Nhà Bè, Phú Hữu – Quận 9, bến Kiến Thành, bến Bà Nhờ ở Cần Đước – Long An nhằm tạo kênh phân phối hợp lý, phục vụ tốt cho nhu cầu của khách hàng, tăng sản lượng cung ứng hàng hóa bằng đường thủy, tiết kiệm chi phí trong kinh doanh. Bên cạnh đó Công ty cũng đã đầu tư đóng mới 02 sà lan để phục vụ vận chuyển hàng hóa tốt hơn, chủ động hơn trong khâu giao nhận hàng.

Nhìn chung, để đạt được kết quả như trên, trong phương hướng kế hoạch 05 năm (2012 - 2016) Công ty đã đề ra các chủ trương, biện pháp tích cực trong chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh nhằm thích ứng với thị trường cạnh tranh hiện nay. Trong đó tập trung phát triển mạng lưới tiêu thụ đồng bộ cả về mảng công nghiệp và dân dụng thông qua hệ thống các trạm trộn, cửa hàng vật liệu xây dựng, xây dựng các chính sách về giá bán cho phù hợp với từng đối tượng khách hàng để đảm bảo sản lượng tiêu thụ của mỗi chủng loại xi măng theo tiến độ kế hoạch đề ra, góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận.

2.- Về công tác tài chính

2.1.- Về việc thoái vốn Nhà Nước tại Công ty

- Thực hiện đề án tái cơ cấu của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên giai đoạn 2013 – 2015 đã được UBND Thành phố phê duyệt, trong đó vốn Nhà Nước tại Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất là 2.707.500 cổ phần, tỷ lệ 18,05%/ Vốn điều lệ và 22,05% trên số lượng cổ phiếu lưu hành. Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn đã thoái vốn đợt 1 với số lượng 950.000 CP, tương ứng 6,33%/VĐL tại Công ty.

2.2.- Về việc chào mua cổ phiếu quỹ

- Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ – ĐHĐCĐ ngày 15/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. Công ty đã thực hiện mua 550.000 cổ phiếu quỹ với giá mua là 20.100 đồng/cổ phiếu.

- 2.3.- Tính đến 31/12/2016 cơ cấu Vốn điều lệ Công ty như sau :
- Vốn điều lệ : 150 tỷ đồng, tương đương 15.000.000 cổ phần, trong đó :
- ☐ Vốn cổ phần Nhà Nước : 1.757.500 CP, chiếm tỷ lệ 11,72%/VĐL
 - ☐ Cổ phiếu quỹ : 3.515.842 CP, chiếm tỷ lệ 23,44%/VĐL
 - ☐ Vốn cổ đông : 9.726.658 CP, chiếm tỷ lệ 64,84%/VĐL
- 2.4.- **Đầu tư tài chính** : Đầu tư 126.000 cổ phiếu ximăng Hà Tiên 1, trị giá 2 tỷ 888 triệu đồng. Trong năm 2016, Công ty Xi măng Hà Tiên 1 chia cổ tức năm 2015 : 20% bằng cổ phiếu, tương ứng : 25.200 cổ phiếu. Đến hết năm 2016, tổng số cổ phiếu xi măng Hà Tiên là : 151.200 cổ phiếu.
- 2.5.- Tổng vốn chủ sở hữu của Công ty tính đến ngày 31/12/2016 là : **195.971.407.965** đồng
- Trong đó :*
- ☐ Vốn đầu tư chủ sở hữu : 150.000.000.000 đồng
 - ☐ Thặng dư vốn cổ phần : 40.880.000.000 đồng
 - ☐ Cổ phiếu quỹ (3.515.842 CP) : (46.675.104.000) đồng
 - ☐ Quỹ đầu tư phát triển : 12.310.813.209 đồng
 - ☐ Lợi nhuận chưa phân phối : 39.455.698.756 đồng
- 2.6.- Tình hình tài chính của Công ty trong nhiệm kỳ IV (2012 – 2016) phát triển ổn định, lành mạnh, có tăng trưởng, sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có và tích lũy tái đầu tư. Đặc biệt, về lợi nhuận và tỷ suất cổ tức 03 năm gần đây tăng trưởng tốt, vượt so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn công nợ phải thu liên quan đến các thương vụ kinh doanh chậm thu hồi, thời gian thanh toán kéo dài. Vì vậy, Công ty tiếp tục trích lập các khoản dự phòng tài chính ảnh hưởng một phần đến hiệu quả kinh doanh và sử dụng nguồn vốn.
- 2.7.- Thường xuyên tăng cường công tác quản lý tài chính để đảm bảo an toàn, công tác kiểm soát nội bộ được coi trọng, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh và hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro trong xử lý thu hồi công nợ, hạn chế để khách hàng chiếm dụng vốn kinh doanh.
- 2.8.- Hằng năm thuê Công ty kiểm toán tài chính kiểm tra số liệu quyết toán để báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Đại hội Đồng cổ đông thường niên theo qui định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

3.- Về công tác đầu tư phát triển

- 3.1.- Đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại số 99 Nguyễn Xí – Phường 26 – Quận Bình Thạnh để thu hồi vốn và đưa vào hoạt động kinh doanh. Tổng số tiền chuyển nhượng là 31 tỷ đồng.
- 3.2.- Đầu tư xây dựng mới mặt bằng số 400 Lê Văn Thọ - Phường 10 – Quận Gò Vấp, quy mô đầu tư xây dựng như sau :
- ☐ Diện tích khuôn viên : 117,2 m²
 - ☐ Diện tích xây dựng : 707,5 m²
 - ☐ Quy mô xây dựng : 1 hầm, trệt, lững, 4 lầu, 1 sân thượng.
 - ☐ Tổng vốn đầu tư : 7.735.458.000 đồng.
- 3.3.- Đầu tư đóng mới 02 sà lan tự hành vận chuyển ximăng với tổng số tiền là 5,4 tỷ đồng.

- 3.4.- Đã đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp xong các mặt bằng và đưa vào khai thác cho thuê gồm :
- ☐ Văn phòng trụ sở Công ty số 215 – 217 Trần Hưng Đạo – P.Cô Giang – Quận 1, tổng số tiền đầu tư sửa chữa là : 2.530.831.920 đồng.
 - ☐ Mặt bằng số 28 Tân Phước – Phường 8 – Quận Tân Bình, tổng số tiền đầu tư sửa chữa là : 2.054.927.410 đồng.
 - ☐ Mặt bằng số 397 Lý Thường Kiệt – Phường 8 – Quận Tân Bình, tổng số tiền đầu tư sửa chữa là : 402.905.455 đồng.
 - ☐ Kho 19 Đông Sơn – Phường 7 – Quận Tân Bình, tổng số tiền đầu tư sửa chữa là : 1.977.676.881 đồng.
- 3.5.- Công ty tập trung khai thác hiệu quả các mặt bằng hiện có để tăng lợi nhuận. Doanh thu cho thuê mặt bằng năm 2011 đạt 6,5 tỷ đến năm 2016 đạt 10 tỷ. Bên cạnh đó, tiền thuê đất phải nộp cũng tăng cao làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.
- 3.6.- Đối với dự án cụm công nghiệp ở Long An : Tổng diện tích 774.908 m². Trị giá 90,82 tỷ đồng (đất mua da beo không liền thửa). Công ty đã hoán đổi được 37.000m². Phần diện tích còn lại, Công ty tiếp tục hoàn đổi để tạo thành mảng liên kết.

4.- Về công tác tổ chức nhân sự

- Thường xuyên sắp xếp lại bộ máy tổ chức nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với qui mô hoạt động của Công ty. Các phòng chức năng và các đơn vị trực tiếp kinh doanh đã thực hiện tốt công việc thuộc phạm vi chức năng của mình, đồng thời phối hợp với nhau trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty, cũng như tổ chức thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

III.- ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NHIỆM KỲ IV (2012 – 2016)

1.- Mặt tích cực

- Mặc dù tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong nhiệm kỳ qua đối với các năm 2012 – 2013 gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn giữ được chỉ tiêu về doanh thu bình quân đạt gần 1.125 tỷ đồng/năm, lợi nhuận trước thuế bình quân đạt trên 31 tỷ đồng/năm và tỷ suất cổ tức bình quân đạt trên 17%/năm là sự cố gắng nỗ lực rất lớn của tập thể CB – CNV trong thực hiện mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của HĐQT đề ra trong nhiệm kỳ (2012 – 2016).
- Chủ động liên kết, hợp tác chặt chẽ với các Công ty ximăng nhằm ổn định về giá, chính sách chiết khấu, khuyến mãi để tăng thế cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời thực hiện linh hoạt chính sách về giá đối với các khách hàng ở từng khu vực, địa bàn khác nhau nhằm tăng sản lượng cung ứng hàng hóa.
- Quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng và các nhà sản xuất để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, tập trung nguồn vốn cho những mặt hàng có sản lượng lớn, chiết khấu, khuyến mãi cao để tăng lợi nhuận cho đơn vị.
- Qui định lại định mức dư nợ và thời gian thanh toán đối với từng khách hàng, trạm trộn bê tông, cửa hàng vật liệu xây dựng nhằm hạn chế để khách hàng chiếm dụng vốn và sử dụng nguồn vốn kinh doanh có hiệu quả hơn.
- Thực hiện tốt mối quan hệ giữa Đảng – chính quyền và các đoàn thể ngày càng gắn kết, các phong trào thi đua của Công đoàn – Đoàn Thanh niên được duy trì tốt, hỗ trợ tích cực và có hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại đơn vị.

2.- Mặt tồn tại – hạn chế

- Thực hiện các mặt hàng xi măng trong nhiệm kỳ có những mặt hàng đạt vượt so với kế hoạch nhưng tăng trưởng không cao, khả năng tiếp cận và dự báo thông tin nghiên cứu thị trường còn chậm, chưa kịp thời.
- Hệ thống phân phối bên thủy của Công ty đã được tập trung đầu tư nhưng qui mô hoạt động còn hạn chế, chưa gắn kết tốt với các đầu mối tiêu thụ nên sản lượng tăng không đáng kể.
- Do phương tiện vận tải hầu hết thuê bên ngoài, cộng với chở đúng tải trọng nên khâu giao nhận hàng hóa gặp nhiều khó khăn làm tăng chi phí hoạt động của Công ty.
- Dư nợ tăng cao do sản lượng thực hiện tăng và một phần công nợ của mảng công nghiệp tăng, vì đây là nguồn đem lại hiệu quả kinh doanh rất cao.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG – NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ V (2017 – 2021)

I.- DỰ BÁO TÌNH HÌNH

- Năm 2017 và những năm kế tiếp Chính phủ đã xác định mục tiêu tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, tập trung tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó : thực hiện mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính, tái cấu trúc nền kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng, kêu gọi đầu tư, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.
- Đối với ngành hàng vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản và xây dựng cơ bản sẽ có bước đột phá, đối với các công trình xây dựng công nghiệp, xây dựng dân dụng có dấu hiệu khởi sắc. Thị trường kinh doanh bất động sản đang từng bước được cải thiện và nâng cao,.... sẽ tạo nên những dấu hiệu tích cực cho hoạt động ngành hàng kinh doanh của Công ty trong nhiệm kỳ 2017 – 2021.

Tuy nhiên bên cạnh đó, trong năm 2017 và những năm tiếp theo việc tiêu thụ sản lượng các mặt hàng xi măng vẫn còn gặp khó khăn do tình hình sản xuất xi măng cung vượt cầu, sự cạnh tranh giữa các nhà sản xuất trong lĩnh vực phân phối về giá bán tiếp tục diễn ra gay gắt làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của Công ty.

II.- PHƯƠNG HƯỚNG – NHIỆM VỤ KINH DOANH NHIỆM KỲ V (2017 – 2021)

A.- Mục tiêu chung

- Tiếp tục xây dựng và phát triển Công ty chuyên kinh doanh ngành hàng xi măng, dịch vụ cho thuê văn phòng, tập trung kinh doanh những mặt hàng có nhu cầu sản lượng lớn, có chiết khấu, khuyến mãi cao để tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường, góp phần xây dựng thương hiệu CMID vững mạnh và phát triển bền vững.
- Doanh thu, sản lượng thực hiện ổn định giữ ở mức cao, phần đầu lợi nhuận đạt cao hơn.
- Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong nhiệm kỳ V (2017 – 2021), bảo tồn và phát triển nguồn vốn của Công ty, của Nhà Nước, của Cổ đông, hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Nước, đảm bảo cổ tức cho cổ đông và thu nhập cho người lao động.
- Triển khai các dự án đầu tư, sửa chữa nâng cấp các mặt bằng hiện có để đưa vào khai thác và kinh doanh có hiệu quả.

- Cải tiến công tác quản lý, điều hành và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

B.- Phương hướng – nhiệm vụ kinh doanh nhiệm kỳ V (2017 – 2021)

1./ Phương hướng kế hoạch kinh doanh năm 2017 – 2021 (xem bản phụ lục II)

- Việc xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch : doanh thu, sản lượng giữ ổn định. Do tình hình sản xuất xi măng nguồn cung luôn dư thừa (một số nhà sản xuất đang vào giai đoạn hai và một số chưa triển khai giai đoạn 2, lúc đó nguồn cung sẽ càng dư thừa cao hơn nữa) làm cho thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt.
- Phân đầu giữ lợi nhuận ở mức ổn định : do sản lượng cung cấp cho thị trường bán lẻ hiện nay chiếm tỷ trọng trên 62%, thị trường cạnh tranh rất gay gắt làm giảm lợi nhuận nhiều, một phần cung cấp cho thị phần sản xuất công nghiệp trên 37%, cũng đang bị cạnh tranh rất nhiều (vì hiện tại đây là nguồn lợi nhuận cao nhất). Do đó, Công ty xây dựng các chỉ tiêu năm 2017 có thấp hơn thực hiện năm 2016.

2./ Công tác đầu tư

- 2.1.- Đầu tư xây dựng mới mặt bằng số 40 Nguyễn An Khương – Phường 13 – Quận 5 làm văn phòng cho thuê.
- 2.2.- Đầu tư sửa chữa một số mặt bằng xuống cấp bao gồm :
 - Mặt bằng số 496 An Dương Vương – Phường 4 – Quận 5
 - Mặt bằng số 428 Hồng Bàng – Phường 11 – Quận 11
 - Mặt bằng số 73 Phan Đình Phùng – Phường 17 – Quận Phú Nhuận
- 2.3.- Đầu tư mở thêm bến thủy và đóng mới từ 1 – 2 chiếc sà lan tự hành để chủ động trong khâu vận chuyển và giao nhận hàng hóa.
- 2.4.- Đối với dự án cụm công nghiệp Long An : Công ty đã và đang tiếp tục hoàn đổi để tạo thành mảng liên kết. Khi hoàn tất hoàn đổi sẽ tạo thành mảng liên kết thống nhất. Từ đó giá trị sử dụng sẽ tăng cao.
- 2.5.- Tập trung khai thác hiệu quả các mặt bằng hiện có của Công ty để tăng lợi nhuận.

3.- Công tác tài chính :

- Phối hợp với Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên (SATRA) và người đại diện vốn Nhà Nước tại Công ty đã thực hiện hoàn tất thoái hết vốn Nhà Nước còn lại tại Công ty trong tháng 02/2017 (1.757.500CP, chiếm tỷ lệ 11,72%/VDL).
- Quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Chủ động bố trí nguồn vốn phục vụ cho các dự án đầu tư phát triển, tập trung vốn cho những hợp đồng, dự án lớn tiêu thụ sản lượng ổn định đem lại hiệu quả cao.
- Thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời những vi phạm trong quản lý tiền hàng, tích cực giải quyết thu hồi công nợ dây dưa khó đòi, hạn chế để khách hàng chiếm dụng vốn.
- Hằng năm thuê Công ty Kiểm toán tài chính kiểm tra số liệu quyết toán để báo cáo cho Đại hội Đồng cổ đông theo qui định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

4.- Công tác tổ chức nhân sự

- Tiếp tục sắp xếp lại bộ máy tổ chức – nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với qui mô hoạt động của Công ty.
- Qui hoạch đội ngũ Cán bộ kế thừa, mạnh dạn đề bạt bổ nhiệm Cán bộ trẻ có tâm huyết, nhiệt tình trong thực hiện nhiệm vụ được phân công, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu định hướng phát triển của Công ty.
- Có kế hoạch tuyển dụng thêm lao động mới, có tay nghề, năng lực và trình độ để bổ sung kịp thời cho các đơn vị theo phương án định biên của Công ty.

III.- BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Tăng cường mối quan hệ với các Công ty xi măng, các khách hàng đầu mối, cửa hàng vật liệu xây dựng để tạo nguồn hàng nhằm đẩy mạnh lượng hàng bán ra, tạo thế cạnh tranh trên thị trường. Tập trung đầu tư vào một số mặt hàng đem lại lợi nhuận cao, mở thêm thị trường tiêu thụ xi măng xá để tăng doanh thu và sản lượng tiêu thụ trong năm 2017 và những năm tiếp theo.
- Phát triển tăng nguồn hàng đưa về các bến thủy hiện có và tiếp tục tìm đối tác phát triển thêm bến mới ở khu vực ngoại thành và giáp ranh các Tỉnh lân cận để tạo kênh phân phối hợp lý, phục vụ tốt cho nhu cầu của khách hàng.
- Chú trọng biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tổ chức kinh doanh hợp lý, nâng cao tính chuyên môn hóa và hợp tác giữa các đơn vị trực thuộc, khách hàng, nhà máy để tăng sản lượng cung ứng hàng hóa của Công ty trong thời gian tới.
- Đẩy mạnh phong trào thi đua trong CB – CNVC và người lao động, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong nhiệm kỳ V (2017 – 2021) với phương châm : “*Linh hoạt – An toàn – Hiệu quả*”.

CTY CỔ PHẦN VẬT LIÊU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT



HUỖNH VĂN TƯ

Nơi nhận :

- Các cổ đông
- Thành viên HĐQT (để báo cáo)
- Ban Kiểm Soát (để báo cáo)
- Ban Tổng Giám Đốc
- Các Phòng chức năng, Giám đốc đơn vị trực thuộc
- Lưu P.KHKD

PHỤ LỤC SỐ I
NHIỆM KỲ IV (2012 - 2016)

CHỈ TIÊU	ĐV tính	TH năm 2011	THỰC HIỆN NHIỆM KỲ IV (2012 - 2016)					tỷ lệ so sánh % TH các năm					
			năm 2012	năm 2013	năm 2014	năm 2015	năm 2016	2012/2011	2013/2012	2014/2013	2015/2014	2016/2015	2016/2011
1.- Tổng doanh thu	tr.đồng	1,058,795	949,386	953,798	1,083,688	1,238,953	1,402,042	89.67%	100.46%	113.62%	114.33%	113.16%	132.42%
* Doanh thu KD thuần	"	902,537	846,712	855,453	988,548	1,187,040	1,372,578	93.81%	101.03%	115.21%	120.44%	115.63%	152.08%
* DV + thu nhập khác	"	156,258	102,674	98,345	98,140	51,913	29,464	65.71%	95.78%	99.79%	52.90%	56.76%	18.86%
* Ximăng các loại	Tấn	630,772	604,730	625,463	704,908	843,375	993,580	95.87%	103.43%	112.70%	119.64%	117.81%	157.52%
2.- Chỉ tiêu tài chính													
* Tổng doanh thu	tr.đồng	1,058,795	949,386	953,798	1,083,688	1,238,953	1,402,042	89.67%	100.46%	113.62%	114.33%	113.16%	132.42%
* Tổng chi phí (chưa tính lương)	"	1,037,001	923,638	925,728	1,046,448	1,178,083	1,334,562	89.07%	100.23%	113.04%	112.58%	113.28%	128.69%
Trong đó : + Giá vốn hàng bán	"	899,611	884,625	883,360	990,466	1,113,575	1,254,352	98.33%	99.86%	112.12%	112.43%	112.64%	139.43%
+ Chi phí (chưa lương)	"	137,390	39,013	42,368	55,982	64,508	80,210	28.40%	108.60%	132.13%	115.23%	124.34%	58.38%
* Tổng quỹ lương được trích	"	6,538	9,012	9,263	10,735	15,218	18,894	137.84%	102.79%	115.89%	141.76%	124.16%	288.99%
3.- Hiệu quả kinh doanh													
* Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	15,256	16,736	18,807	26,505	45,653	48,586	109.70%	112.37%	140.93%	172.24%	106.42%	318.47%
* Lợi nhuận sau thuế	"	11,699	13,678	14,100	18,896	33,369	38,759	116.92%	103.09%	134.01%	176.59%	116.15%	331.30%
* Tỷ suất cổ tức/giá trị CP lưu hành	%	9.43	11.02	11.01	14.61	24.54	28.60	116.86%	99.91%	132.70%	167.97%	116.54%	303.29%
4.- Sử dụng lao động													
* Lao động bình quân	người	80	80	72	77	85	100	100.00%	90.00%	106.94%	110.39%	117.65%	125.00%
* NSLĐ bình quân/người/tháng	tr.đ/người	1,103	989	1,104	1,173	1,215	1,168	89.67%	111.63%	106.24%	103.57%	96.19%	105.94%
* Thu nhập bình quân/NLĐ/tháng	"	6.81	9.39	10.72	11.62	14.92	15.75	137.89%	114.16%	108.40%	128.40%	105.56%	231.28%
* Lợi nhuận trước thuế BQ/ng/tháng	tr.đồng	15.89	17.43	21.77	28.69	44.76	40.41	109.69%	124.90%	131.79%	156.01%	90.28%	254.31%
* Tỷ suất LN sau thuế/giá trị CP lưu hành	%	9.72	11.36	11.72	15.70	27.73	32.24	116.87%	103.17%	133.96%	176.62%	116.26%	331.69%

PHỤ LỤC SỐ II
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ V (2017 - 2021)

CHỈ TIÊU	ĐV tính	TH Năm 2016	KẾ HOẠCH					tỷ lệ so sánh % các năm				
			Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	2017/2016	2018/2017	2019/2018	2020/2019	2021/2020
1.- Tổng doanh thu	tr.đồng	1,402,042	1,370,000	1,400,000	1,400,000	1,400,000	1,400,000	97.71%	102.19%	100.00%	100.00%	100.00%
* Doanh thu bán hàng thuần	tr.đồng	1,372,578	1,345,000	1,370,000	1,370,000	1,370,000	1,370,000	97.99%	101.86%	100.00%	100.00%	100.00%
* DV + thu nhập khác	tr.đồng	29,464	25,000	30,000	30,000	30,000	30,000	84.85%	120.00%	100.00%	100.00%	100.00%
* Ximăng các loại	Tấn	993,580	975,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000	98.13%	102.56%	100.00%	100.00%	100.00%
2.- Chỉ tiêu tài chính												
* Tổng doanh thu	tr.đồng	1,402,042	1,370,000	1,400,000	1,400,000	1,400,000	1,400,000	97.71%	102.19%	100.00%	100.00%	100.00%
* Tổng chi phí (chưa tính lương)	"	1,334,562	1,313,400	1,341,200	1,339,000	1,336,800	1,334,700	98.41%	102.12%	99.84%	99.84%	99.84%
Trong đó : + Giá vốn hàng bán	"	1,254,352	1,235,400	1,262,200	1,260,000	1,257,800	1,255,700	98.49%	102.17%	99.83%	99.83%	99.83%
+ Chi phí (chưa lương)	"	80,210	78,000	79,000	79,000	79,000	79,000	97.24%	101.28%	100.00%	100.00%	100.00%
* Tổng quỹ lương được trích	"	18,894	18,678	19,404	20,130	20,856	21,549	98.86%	103.89%	103.74%	103.61%	103.32%
3.- Hiệu quả kinh doanh												
* Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	48,586	37,922	39,396	40,870	42,344	43,751	78.05%	103.89%	103.74%	103.61%	103.32%
* Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	38,759	30,338	31,517	32,696	33,875	35,001	78.27%	103.89%	103.74%	103.61%	103.32%
* Tỷ suất cổ tức/giá trị cp đang lưu hành	%	28.60	26.00	27.01	28.03	29.04	30.00	90.91%	103.88%	103.78%	103.60%	103.31%
4.- Sử dụng lao động												
* Lao động bình quân	người	100	100	100	100	100	100	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%
* NSLĐ bình quân/người/tháng	tr.đ/người	1,168	1,141	1,166	1,166	1,166	1,166	97.69%	102.19%	100.00%	100.00%	100.00%
* Thu nhập bình quân/NLĐ/tháng	"	15.75	15.57	16.17	16.78	17.38	17.96	98.86%	103.85%	103.77%	103.58%	103.34%
* Lợi nhuận trước thuế BQ/ng/tháng	"	40.41	36.12	37.52	38.92	40.33	41.67	89.38%	103.88%	103.73%	103.62%	103.32%
* Tỷ suất LN sau thuế/giá trị cp đang lưu hành	%	32.24	28.89	30.02	31.14	32.26	33.33	89.61%	103.91%	103.73%	103.60%	103.32%